

VIỆT NAM - ASEAN

HỢP TÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN

PTS. NGUYỄN PHÚ TỰ

Ngày 28.7.1995, VN đã trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Đây là dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của khu vực từ khi hiệp hội này được thành lập, đồng thời cũng mở ra trang sử mới của đất nước VN trên con đường xây dựng đất nước, quan hệ quốc tế. Đối với VN, việc gia nhập ASEAN sẽ tạo ra những thuận lợi và những khó khăn mới đòi hỏi VN cần phải tranh thủ khai thác lợi thế, đồng thời phải nỗ lực để vượt qua những thách thức mới.

Trước tiên là phải tính đến sự cách biệt về kinh tế giữa VN với các thành viên trong khối ASEAN. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, kinh tế VN hiện nay chỉ tương đương với thập kỷ 60 các nước NIEs Châu Á và thập kỷ 70 của các nước ASEAN. Điều đó có nghĩa vượt qua một khoảng cách 2 - 3 thập kỷ là một thách thức lớn đối với chúng ta.

ASEAN. Theo kế hoạch CEPT (Hiệp định về biểu thuế ưu đãi có hiệu lực chung), thì có hai chương trình giảm thuế khác nhau tùy thuộc vào nhóm hàng hóa. Chương trình giảm nhanh mức thuế quan được áp dụng với 15 nhóm sản phẩm hàng hóa, bao gồm: dầu thực vật, hóa chất, phân bón, cao su, giấy, đồ gỗ, đá quý, xi măng, dược phẩm, nhựa, da, hàng dệt, gốm sứ, thủy tinh, đồng và hàng điện tử. Chương trình thứ hai nhằm đến việc giảm thuế quan ở tốc độ bình thường đối với các loại hàng hóa còn lại. Mục tiêu của kế hoạch này là giảm thuế đối với các loại hàng hóa sản xuất trong khu vực xuống còn có 0% đến 5% vào ngày 1.1.2003. Cho đến hiện nay sáu thành viên ASEAN đã công bố danh mục những mặt hàng giảm thuế của mình, tuy thời gian bắt đầu tiến hành cắt giảm thuế có khác nhau giữa các nước. Trong hội nghị các bộ trưởng nông nghiệp ASEAN (24 đến 26.8.1995) tại Singapore quy định từ 1.1.1996 bắt đầu cắt giảm thuế đối với 1.304 mặt

Quốc gia	Thủ đô	Năm 1994						Dự báo tốc độ tăng GDP năm 1995	Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với VN
		Diện tích (km ²)	Dân số (triệu người)	GDP (tỷ USD)	GDP/người (USD)	Tốc độ tăng GDP (%)	Tỷ lệ lạm phát (%)		
Indonesia	Jakarta	1.900.000	196,6	166,2	860	6,5	8,2	6,9	10.8.1964
Malaysia	Kuala Lumpur	330.307	20,1	70,7	3.520	8,4	3,7	7,8	30.3.1973
Philippines	Manila	300.000	68,4	65,4	960	3,5	11	4,5	12.7.1976
Singapore	Singapore	625	2,98	74,1	24.900	8,7	3,7	7,6	1.8.1976
Thái Lan	Bangkok	513.115	61,2	156,8	2.600	8,2	4,8	8,0	6.8.1976
Việt Nam	Hà Nội	329.600	73,6	14,3	190	8,2	9,5	8,5	
Brunei	Bandar Seri Begawan	6.769	0,3	4,4	17.500	5,5			29.2.1992

Nguồn: The world in 1995 - The Economist 1994
- Báo Sài Gòn giải phóng từ 31.5.1995 đến 14.6.1995

Khi VN đã là thành viên của ASEAN thì việc tham gia khu mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) là một hướng mà VN phải vươn tới. Trong khi đó cơ cấu thuế, trình độ sản xuất của VN còn quá nhiều cách biệt so với các nước thành viên ASEAN. Do đó đòi hỏi VN phải điều chỉnh cơ cấu và chính sách kinh tế của mình, phải cắt, giảm thuế xuất, nhập khẩu và bỏ dần các hàng rào phi thuế quan, hạn ngạch...trong thương mại giữa các nước thành viên của

hàng nông lâm sản chưa chế biến trong ASEAN xuống còn 0% - 5% vào năm 2003. Riêng VN tháng 9.1995 chúng ta cũng sẽ lên doanh mục 1.304 mặt hàng để gởi tới các nước ASEAN. Chúng ta cũng sẽ tham gia cắt giảm thuế từ 1.1.1996 nhưng thời gian hoàn thành sẽ kéo dài 10 năm, tức là vào tháng 1.2006.

Một khó khăn nữa của VN khi gia nhập ASEAN là hàng hóa xuất khẩu của VN sẽ vấp phải sự cạnh tranh

cao hơn của các nước ASEAN. Bởi vì VN và các thành viên ASEAN có nhiều điểm tương đồng về lợi thế so sánh tương đối quốc tế, do vậy cơ cấu hàng hóa xuất khẩu giữa VN và các nước ASEAN giống nhau. Nhưng quy mô, kinh nghiệm trình độ sản xuất kinh doanh, các định chế kinh tế và luật pháp của VN đều có một khoảng cách khá lớn với các nước ASEAN. Cùng "chơi chung" một sân với những địch thủ khỏe, đầy đặn kinh nghiệm, thuộc luật chơi hơn, chắc chắn VN sẽ phải cạnh tranh khốc liệt trong cùng một mặt hàng khi tham gia thị trường thế giới. Thí dụ, mặt hàng gạo và may mặc là hai mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị xuất khẩu của chúng ta thì ở Thái Lan cũng vậy song Thái Lan lại có lợi thế hơn trong việc xâm nhập thị trường thế giới.

Tuy nhiên VN gia nhập ASEAN cũng sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hóa của chúng ta nói riêng và của khu vực nói chung. Thứ nhất, đối với các nước ASEAN VN là thị trường mới rộng lớn với hơn 70 triệu dân là sức hút lớn, ngược lại ASEAN cũng mở ra thị trường mới cho VN

đãi các nước ASEAN trong việc đầu tư vào VN. Hiện đại hóa hạ tầng, nâng cao trình độ tay nghề của lao động, đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép đầu tư, thủ tục hải quan, thủ tục cấp visa và thị thực nhập cảnh vào VN.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp tránh tình trạng "pháp trị" còn bị "nhân trị" lấn át hay "trên ra chính sách, dưới ra đối sách".

- Chính phủ không chỉ khuyến khích đầu tư nước ngoài mà cần phải khuyến khích đầu tư trong nước tránh tình trạng kinh tế hiện tại của ASEAN người nắm giữ nền kinh tế của họ ngoại trừ các công ty quốc doanh còn lại đại đa số là Hoa kiều và các công ty đa quốc gia. Trong khi đó vai trò của tư sản dân tộc lại rất yếu trong nền kinh tế.

- Đẩy nhanh quá trình đổi mới cơ cấu quản lý, khẩn trương thực hiện cải cách hành chính, cấu trúc lại cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Mạnh dạn đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, trước mắt là áp dụng ISO 9000 nhằm tạo ra lượng hàng hóa có chất lượng và sức cạnh tranh

Ngoại thương của VN với các nước ASEAN
(ĐVT: triệu USD)

Năm	Indonesia		Malaysia		Philippines		Singapore		Thái Lan	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
1989	31,0	0,5	2,5	0,9			70,7	41,3	15,2	2,3
1990	14,6	9,8	5,0	0,8	57,0	3,6	194,5	497	52,3	17,0
1991	16,5	49,4	14,5	6,2	0,7	10,6	425	722,2	57,7	14,2
1992	10,9	39,8	68,4	35,9	1,0	0,5	401,7	821,6	71,5	41,2
1993	90,0	125,0	92,0	159,0	45,0	22,0	350	750	88,0	107,0

Nguồn: Tổng cục thống kê, Niên giám 1993
- Bộ thương mại: số liệu 1993

Trong vòng 5 năm (1989 - 1993) tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của VN với ASEAN đã tăng rõ rệt từ 164,4 triệu USD năm 1989 lên 1.828 triệu USD năm 1993, tăng 10,12 lần, và chiếm 29% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của VN.

Thứ hai, việc tham gia vào ASEAN của VN tạo điều kiện cho VN gia tăng đầu tư trực tiếp (FDI). Năm 1994 đầu tư của các nước ASEAN vào VN chiếm 14% trong tổng số FDI vào VN. Điển hình là dự án xây dựng "Trần Sông Hồng" liên doanh giữa Công ty đầu tư phát triển nhà Hà Nội và công ty Antara Koh Development Pte Ltd (Singapore) có tổng số vốn đầu tư là 240 triệu USD (Đây là dự án lớn nhất của năm 1994). Tính đến 30.5.1995 các nước ASEAN có 203 dự án với tổng số vốn đăng ký là 2,4 tỷ USD, chiếm 23% tổng số dự án và 20% tổng số vốn đầu tư của nước ngoài vào VN.

Thứ ba, gia nhập ASEAN của VN sẽ tạo điều kiện tăng cường an ninh khu vực, môi trường ổn định cho việc phát triển kinh tế trong khu vực Đông Nam Á, thuận lợi cho việc giải quyết các tranh chấp ở biển Đông.

Thứ tư, các nước ASEAN đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển kinh tế, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, quản lý xã hội, kinh nghiệm xuất nhập khẩu, du lịch... Những kinh nghiệm của quá trình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu và phát triển nguồn nhân lực ở các nước là rất hữu ích đối với VN.

Thứ năm, VN gia nhập ASEAN sẽ mở ra những khả năng mới cho việc hợp tác tiểu khu vực phát triển ở Đông Nam Á (tiểu vùng sông Mê Kông, tiểu vùng biển Đông...)

Để VN - ASEAN hợp tác và phát triển có hiệu quả, VN cần giải quyết một số vấn đề sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt nên có những quy định ưu

cao.

- Nhà nước phải đầu tư và chuẩn bị tốt một đội ngũ cán bộ có năng lực để tham gia các thương lượng thương kỳ của khối ASEAN.

- VN cần sớm tham gia vào AFTA để tận dụng những thuận lợi của một thành viên AFTA và cũng chỉ khi tham gia AFTA, VN mới thực sự là một thành viên đầy đủ của ASEAN.

- Việc gia nhập ASEAN buộc VN sớm cải cách trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Nhà nước cần phải đa dạng hóa các định chế tài chính, đặc biệt đối với khu vực tư nhân. Để tài chính, ngân hàng thực sự là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

- Vấn đề cải cách thuế cũng hết sức cần thiết và cấp bách. Vì thuế không chỉ đơn thuần là nguồn thu ngân sách mà còn là công cụ của chính phủ trong việc điều tiết hoạt động của nền kinh tế, của các doanh nghiệp. Đánh thuế đúng sẽ giúp nền kinh tế ổn định, phát triển tăng ngân sách và tăng cường sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước.

- Chính phủ cần hiểu rõ những vấn đề của giới doanh nghiệp VN nhằm có những giải pháp, những ý kiến phù hợp để bảo vệ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước. Cùng với cơ quan chức năng, chính phủ cần tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả những lợi thế sẵn có trong nước.

Về phía các doanh nghiệp không thể thụ động ngồi chờ mà cần hoạch định chiến lược phát triển và những bước đi cụ thể, sẵn sàng tham gia vào "cuộc chơi mới" đầy thử thách. Các doanh nghiệp phải tích cực, chủ động nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để nắm bắt cơ hội sản xuất kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài ASEAN